TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2020/QĐST-DS	*Q, ngày 14 tháng 9 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 116, 117, 119, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q (Ngân hàng V)**; Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường B, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H – chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ KHCN;

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1994; chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: Tầng 2, số 88 Lê Thánh Tông, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: Ông **Bùi Văn N**, sinh năm 1993; Địa chỉ: khu T 3, phường T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Đến hết ngày 04/9/2020, ông Bùi Văn N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền là 115.617.284đ *(Một trăm mười lăm triệu sáu trăm mười bẩy nghìn hai trăm tám tư đồng)*, trong đó: Nợ gốc là 113.771.634đ *(Một trăm mười ba triệu bẩy trăm bẩy mốt nghìn sáu trăm ba tư đồng)*, nợ lãi trong hạn là 1.830.669đ *(Một triệu tám trăm ba mốt nghìn sáu trăm sáu chín đồng)*, nợ lãi quá hạn là 14.981đ *(Mười bốn nghìn chín trăm tám mốt đồng)*. Ông N phải trả số tiền trên trong thời hạn 04 tháng tính từ ngày 05/9/2020 đến 31/01/2021, cụ thể: Trong 03 tháng đầu chậm nhất là ngày 30 hàng tháng ông Bùi Văn N phải trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000đ/tháng, tháng thứ tư ông N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn lại; ông N còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 026.HĐTD1.042.18 ngày 01/02/2018, kể từ ngày 05/9/2020 đến khi ông Bùi Văn N tất toán xong khoản vay.

Trường hợp ông N không trả được nợ cho Ngân hàng như đã thoả thuận nêu trên (về thời hạn và số tiền), Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể là: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 80 (thửa cũ 648) cấp phần còn lại, tờ bản đồ số: 70 (tờ bản đồ cũ P44), địa chỉ: Khu phố T 3, phường T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 371816, số vào sổ cấp GCN: CHO 1393 do Ủy ban nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 19/4/2017 mang tên ông Bùi Huy T, tặng cho ông Bùi Văn N theo hồ sơ số 001700.TA.6712) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 026.HĐTC1.054.18 ngày 01/2/2018 giữa bên thế chấp là ông Bùi Văn N và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Q.

Nếu tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V, thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Văn N để thu hồi khoản nợ cho đến khi ông Bùi Văn N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 026.HĐTD1.042.18 ngày 01/02/2018 và Hợp đồng thế chấp số 026.HĐTC1.054.18 ngày 01/2/2018 đã ký kết.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Bùi Văn N có nghĩa vụ nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)*. Do Ngân hàng V đã nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên, nên ông N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng V số tiền 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)*.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn N nộp 2.890.432đ *(Hai triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền 4.000.000đ *(Bốn triệu đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001870 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Q;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Nhật Quang